

Số 10.23 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
 - Mã chứng khoán: VID
 - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
 - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
 - ✓ Báo cáo tài chính riêng 2022 đã được kiểm toán
 - ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã được kiểm toán
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/03/2023 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2022 đã kiểm toán
- BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI
VIỄN ĐÔNG
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH
Bùi Quang Khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	9 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	16 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 18) vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408.360.690.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là VID.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu : các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân nhảy);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
 - Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
 - Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
 - Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
 - Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
 - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
 - Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
 - Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
 - Vệ sinh chung nhà cửa;
 - Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng. Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Ông Phạm Tất Phú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Phạm Thị Như Ngọc	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
- Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
- Bà Trần Thị Tình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
- Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023
THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023
THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Khoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 019/2023/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 10 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2023-242-1


Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2022-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.790.835.031	12.544.764.953
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.149.467.996	384.373.476
Tiền	111		8.149.467.996	384.373.476
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.669.353.809	7.783.783.567
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	52.795.113.511	41.858.773.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.793.025.179	1.589.904.147
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4a	4.907.805.892	3.653.831.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(38.826.590.773)	(39.318.725.165)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	-	51.268.368
Hàng tồn kho	141		-	103.359.898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(52.091.530)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.972.013.226	4.325.339.542
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	25.632.230	142.104.088
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.946.380.996	4.183.235.454
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.869.086.179	438.159.705.652
Các khoản phải thu dài hạn	210		106.250.000.000	120.060.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.8	106.250.000.000	119.760.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4b	-	300.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		35.288.202.326	41.030.869.714
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	35.259.076.208	40.971.003.592
- Nguyên giá	222		88.693.773.347	87.524.378.483
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.434.697.139)	(46.553.374.891)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	29.126.118	59.866.122
- Nguyên giá	228		452.034.723	452.034.723
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(422.908.605)	(392.168.601)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	200.807.053	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242		200.807.053	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	282.813.324.940	276.846.324.940
Đầu tư vào công ty con	251		124.923.656.500	124.923.656.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		132.568.228.440	126.601.228.440
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.658.940.000	25.658.940.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(337.500.000)	(337.500.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		316.751.860	222.510.998
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	316.751.860	222.510.998
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		457.659.921.210	450.704.470.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.871.942.011	7.112.914.120
Nợ ngắn hạn	310		4.871.942.011	7.112.914.120
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	80.550.345	422.134.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.475.622.349	2.608.819.256
Phải trả người lao động	314		-	491.400.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	762.884.281	1.747.788.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	2.552.885.036	1.842.772.423
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		452.787.979.199	443.591.556.485
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	452.787.979.199	443.591.556.485
Vốn góp của chủ sở hữu	411		408.360.690.000	355.107.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	355.107.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.967.606.986	2.967.606.986
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.425.799.489	8.425.799.489
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		105.844.658	105.844.658
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.673.773.066	73.730.150.352
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.764.237.739	38.074.519.655
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.909.535.327	35.655.630.697
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430			
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		457.659.921.210	450.704.470.605

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	117.860.666.369	41.478.721.452
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	117.860.666.369	41.478.721.452
Giá vốn hàng bán	11	6.2	107.583.967.903	32.157.291.472
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.276.698.466	9.321.429.980
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	26.037.066.186	49.946.014.445
Chi phí tài chính	22	6.4	28.908	28.908
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	26.404.398.188	23.034.828.403
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.909.337.556	36.232.587.114
Thu nhập khác	31	6.6	39.140.416	4.257.590.937
Chi phí khác	32	6.7	38.942.645	4.834.547.354
Lợi nhuận khác	40		197.771	(576.956.417)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.909.535.327	35.655.630.697
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.909.535.327	35.655.630.697

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.909.535.327	35.655.630.697
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.912.062.252	6.572.234.808
- Các khoản dự phòng	03	351.716.769	(5.576.551.497)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.037.066.186)	(50.064.196.753)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.863.751.838)	(13.412.882.745)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.653.093.566)	2.361.264.953
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	51.268.368	3.794.051.790
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.951.084.722)	(5.630.855.272)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	22.230.996	1.425.297.342
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.700.052.133)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.000.000)	(24.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.397.430.762)	(18.187.726.065)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.370.201.917)	(1.282.238.835)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	118.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.200.000.000)	(60.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	44.710.000.000	21.180.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.967.000.000)	(7.458.750.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.175.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.989.727.199	49.659.466.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.162.525.282	9.891.659.350

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.765.094.520	(8.296.066.715)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	384.373.476	8.680.440.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.149.467.996	384.373.476

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Bùi Quang Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 18) vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408.360.690.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là VID.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 hoạt động thương mại giấy các loại và dịch vụ cho thuê mặt bằng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhân sự

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 23 người (31 tháng 12 năm 2021: 28 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	51,03%	51,03%	51,03%
Công ty liên kết, liên doanh:			
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33,27%	33,27%	33,27%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	32,98%	32,98%	32,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	28,33%	28,33%	28,33%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	27,04%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Hàng hóa Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổ chức các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với giấy in báo của Công ty là 5%.

Thuế suất thuế GTGT đối với các hàng hóa, dịch vụ khác của Công ty là 8% và 10% (Áp dụng từ tháng 02/2022)

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Văn phòng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế suất ưu đãi, miễn giảm áp dụng cho Chi nhánh Bình Dương căn cứ Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000299 ngày 22 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, cụ thể như sau:

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Chi nhánh được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Năm 2022 là năm thứ 12 Chi nhánh áp dụng điều khoản hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.16. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
- Tiền mặt	86.357.132	79.828.287
- Tiền gửi ngân hàng	8.063.110.864	304.545.189
Cộng	8.149.467.996	384.373.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	39.306.571.601	31.849.198.395
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	29.129.970.801	29.129.970.801
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	8.856.600.800	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	1.320.000.000	2.719.227.594
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	10.009.575.113	10.009.575.113
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	3.713.450.076	-
- Các khách hàng khác	75.946.831	310.430.110
Cộng	52.795.113.511	41.858.773.508

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	1.793.025.179	1.589.904.147
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	708.400.000
- Các nhà cung cấp khác	730.425.179	881.504.147
Cộng	1.793.025.179	1.589.904.147

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	235.231.563	-	163.785.335	-
Ký cược, ký quỹ	59.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	4.613.574.329	-	3.485.045.742	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan	2.552.364.740	-	2.533.117.019	-
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.866.464.740	-	886.280.548	-
- Phải thu khác	685.900.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt	-	-	1.624.148.800	-
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	-	-	22.687.671	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba	2.061.209.589	-	951.928.723	-
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	1.901.209.589	-	811.367.123	-
- Các đối tượng khác	160.000.000	-	140.561.600	-
Cộng	4.907.805.892	-	3.653.831.077	-

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	-	-	300.000.000	-
- Ký quỹ thuê mặt bằng	-	-	300.000.000	-
Cộng	-	-	300.000.000	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Từ 03 năm trở lên	38.502.035.773	-	38.775.966.965	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	463.650.000	139.095.000	471.306.000	141.391.800
- Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	425.700.000	212.850.000
- Dưới 01 năm	-	-	-	-
Cộng	38.965.685.773	139.095.000	39.672.966.965	354.241.800

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	39.318.725.165	41.102.048.030
Trích lập dự phòng trong năm	351.716.769	283.657.440
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ phải thu trong năm	(843.851.161)	(2.066.980.305)
Số cuối năm	38.826.590.773	39.318.725.165

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	-	-	103.359.898	52.091.530
Cộng	-	-	103.359.898	52.091.530

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	52.091.530	3.845.320.162
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(52.091.530)	-
Hủy bỏ hàng tồn kho trong năm	-	(3.793.228.632)
Số cuối năm	-	52.091.530

5.7 Chi phí trả trước

a Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.632.230	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	142.104.088
Cộng	25.632.230	142.104.088

b Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.232.559	85.302.402
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	289.519.301	137.208.596
Cộng	316.751.860	222.510.998

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Bên vay là bên liên quan	55.050.000.000	75.810.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	55.050.000.000	53.610.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ (i)	-	22.200.000.000
Bên vay là bên thứ ba	51.200.000.000	43.950.000.000
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (i)	51.200.000.000	43.950.000.000
Cộng	106.250.000.000	119.760.000.000

(i) Chi tiết như sau:

Bên vay	Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư tại ngày 31/12/2022
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 04 ngày 30/12/2022	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025	7,0%/năm	55.050.000.000
Công ty Cổ phần Tac Paritas	Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 03 ngày 30/12/2022	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025	7,0%/năm	51.200.000.000
				106.250.000.000

(*) Điều khoản đảm bảo cho các khoản vay trên là tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2022	75.656.677.678	6.220.834.881	3.182.697.417	2.464.168.507	87.524.378.483
Mua trong năm	-	60.383.000	509.090.909	-	569.473.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	599.920.955	-	-	-	599.920.955
31/12/2022	76.256.598.633	6.281.217.881	3.691.788.326	2.464.168.507	88.693.773.347
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	12.236.552.042	5.037.824.112	2.869.327.417	2.096.902.143	22.240.605.714
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2022	35.674.552.508	5.606.169.733	3.026.903.766	2.245.748.884	46.553.374.891
Khấu hao trong năm	6.407.066.627	247.278.687	82.778.210	144.198.724	6.881.322.248
31/12/2022	42.081.619.135	5.853.448.420	3.109.681.976	2.389.947.608	53.434.697.139
Giá trị còn lại					
01/01/2022	39.982.125.170	614.665.148	155.793.651	218.419.623	40.971.003.592
31/12/2022	34.174.979.498	427.769.461	582.106.350	74.220.899	35.259.076.208

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
01/01/2022	452.034.723	392.168.601	59.866.122
Tăng trong năm	-	30.740.004	
Giảm trong năm	-	-	
31/12/2022	452.034.723	422.908.605	29.126.118

Tại ngày 31/12/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 298.334.723 đồng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Công trình cải tạo phòng hành chính nhân sự	200.807.053	-
Cộng	200.807.053	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	124.923.656.500	-	(*)	124.923.656.500	-	(*)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	124.923.656.500	-	(*)	124.923.656.500	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	132.568.228.440	-	(*)	126.601.228.440	-	(*)
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33.745.517.000	-	53.339.896.650	33.745.517.000	-	68.577.152.556
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	14.841.400.000	-	(*)	14.841.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	49.232.000.000	-	(*)	43.265.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	4.749.311.440	-	(*)	4.749.311.440	-	(*)
Đầu tư vào công ty khác	25.658.940.000	337.500.000	(*)	25.658.940.000	337.500.000	(*)
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	24.905.440.000	-	(*)	24.905.440.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	416.000.000	-	(*)	416.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	337.500.000	337.500.000	(*)	337.500.000	337.500.000	(*)
Cộng	283.150.824.940	337.500.000	(*)	277.183.824.940	337.500.000	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty con			124.923.656.500			124.923.656.500
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	7.838.347,00	51,03%	124.923.656.00	7.838.347,00	51,03%	124.923.656.500
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			132.568.228.440			126.601.228.440
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	5.008.441,00	33,27%	33.745.517.000	3.852.649,00	32,27%	33.745.517.000
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	2.585.700,00	28,33%	49.232.000.000	1.989.000,00	28,33%	43.265.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	527.427,00	27,04%	4.749.311.440	527.427,00	27,04%	4.749.311.440
Đầu tư vào công ty khác			25.658.940.000			25.658.940.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	604.044,00	6,71%	24.905.440.000	604.044,00	6,71%	24.905.440.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	41.600,00	13,87%	416.000.000	41.600,00	13,87%	416.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	33.750,00	15,00%	337.500.000	33.750,00	15,00%	337.500.000
Cộng			283.150.824.940			277.183.824.940

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Số đầu năm	337.500.000	337.500.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	337.500.000	337.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	18.532.275	18.532.275
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	-	-	18.532.275	18.532.275
Phải trả người bán là bên thứ ba	80.550.345	80.550.345	403.601.879	403.601.879
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Liên Thành Việt Nam	57.000.000	57.000.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	23.550.345	23.550.345	403.601.879	403.601.879
Cộng	80.550.345	80.550.345	422.134.154	422.134.154

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.204.444	1.441.204.444	1.441.204.444	1.441.204.444
- Thuế thu nhập cá nhân	34.417.905	34.417.905	121.312.728	121.312.728
- Thuế đất	-	-	1.046.302.084	1.046.302.084
Cộng	1.475.622.349	1.475.622.349	2.608.819.256	2.608.819.256

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2022 (VND)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.204.444	-	-	1.441.204.444
- Thuế thu nhập cá nhân	121.312.728	329.756.496	(416.651.319)	34.417.905
- Thuế đất	1.046.302.084	3.487.673.614	(4.533.975.698)	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
- Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	-	50.667.667	(50.667.667)	-
Cộng	2.608.819.256	3.871.097.777	(5.004.294.684)	1.475.622.349

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.15 Phải trả khác

Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Kinh phí công đoàn	140.436.353	187.469.844
Bảo hiểm bắt buộc	1.164.030	5.505.145
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.820.000	479.820.000
Phải trả khác	141.463.898	1.074.993.298
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	803.000.000
- Ông Bùi Quang Minh	-	803.000.000
- <i>Phải trả ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	141.463.898	271.993.298
- Phải trả khoản giữ hộ	-	149.683.898
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	141.463.898	122.309.400
Cộng	762.884.281	1.747.788.287

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Số đầu năm	1.842.772.423	1.523.393.423
Tăng do trích lập lợi nhuận trong năm	713.112.613	343.929.000
Giảm trong năm	(3.000.000)	(24.550.000)
Số cuối năm	2.552.885.036	1.842.772.423

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2021	308.800.700.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	84.725.638.655	415.178.714.306
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	35.655.630.697	35.655.630.697
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm trước	46.307.190.000	-	-	-	-	(46.307.190.000)	-
Trích quỹ phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	(343.929.000)	(343.929.000)
Bù đắp cho khoản thuế truy thu	-	-	-	(6.898.859.518)	-	-	(6.898.859.518)
31/12/2021	355.107.890.000	3.254.265.000	2.967.606.986	8.425.799.489	105.844.658	73.730.150.352	443.591.556.485
01/01/2022	355.107.890.000	3.254.265.000	2.967.606.986	8.425.799.489	105.844.658	73.730.150.352	443.591.556.485
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.909.535.327	9.909.535.327
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm nay (i)	53.252.800.000	-	-	-	-	(53.252.800.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay (ii)	-	-	-	-	-	(713.112.613)	(713.112.613)
31/12/2022	408.360.690.000	3.254.265.000	2.967.606.986	8.425.799.489	105.844.658	29.673.773.066	452.787.979.199

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 02.22 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 0122BB/VID-ĐHĐCĐ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	355.107.890.000	308.800.700.000
Vốn góp tăng trong năm	53.252.800.000	46.307.190.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	408.360.690.000	355.107.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	53.252.800.000	46.307.190.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	35.510.789
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.836.069	35.510.789
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	35.510.789
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	35.510.789
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	35.510.789

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	110.676.314.881	34.049.376.032
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.184.351.488	7.429.345.420
Tổng doanh thu thuần	117.860.666.369	41.478.721.452

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	30.739.489.239	3.619.046.433
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	360.000.000	373.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	90.000.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	20.558.825.500	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	5.056.624.939	5.312.537.327
Cộng	56.714.939.678	9.395.083.760

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Giá vốn hàng hóa	107.636.059.433	32.157.291.472
- Dự phòng / (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.091.530)	-
Cộng	107.583.967.903	32.157.291.472

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.610.715	1.505.073
- Lãi cho vay (i)	7.934.521.671	6.461.933.972
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii)	18.100.933.800	43.482.575.400
Cộng	26.037.066.186	49.946.014.445

(i) Trong đó, lãi cho vay cho bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	3.815.529.890	3.045.736.439
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	715.610.959	22.687.671
Cộng	4.531.140.849	3.068.424.110

(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	7.838.347.000	32.921.057.400
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	-	7.705.294.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	4.349.116.800	2.114.154.000
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	742.070.000	742.070.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	5.171.400.000	-
Cộng	18.100.933.800	43.482.575.400

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.908	28.908
Cộng	28.908	28.908

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	7.350.531.347	6.293.473.828
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	167.776.799	116.340.567
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.912.062.252	6.572.234.808
- Thuế, phí và lệ phí	3.753.929.159	3.547.367.161
- Dự phòng / (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	351.716.769	283.657.440
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.633.498.751	3.819.454.582
- Chi phí bằng tiền khác	2.234.883.111	2.402.300.017
Cộng	26.404.398.188	23.034.828.403

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	118.181.818
- Thu nhập từ xử lý công nợ	-	4.137.411.880
- Thu nhập khác	39.140.416	1.997.239
Cộng	39.140.416	4.257.590.937

6.7. Chi phí khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
- Nộp phạt vi phạm hành chính về thuế	29.292.332	4.430.674.260
- Hoàn nhập thuế giá trị gia tăng khấu trừ do xử lý hàng tồn kho	-	379.322.863
- Xử lý công nợ trả trước người bán không thể thu hồi	-	24.550.000
- Chi phí khác	9.650.313	231
Cộng	38.942.645	4.834.547.354

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
- Chi phí nhân viên	7.350.531.347	6.293.473.828
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	167.776.799	116.340.567
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.912.062.252	6.572.234.808
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.633.498.751	3.819.454.582
- Chi phí bằng tiền khác	5.988.812.270	5.949.667.178
Cộng	26.052.681.419	22.751.170.963

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Văn phòng Công ty (i)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Chi nhánh Bình Dương (ii)	-	-
Cộng	-	-

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Văn phòng Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2022 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.064.368.184
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
- Điều chỉnh tăng	(17.688.899.056)
+ Chi phí không hợp lệ	412.034.744
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi	60.317.975
- Điều chỉnh giảm	351.716.769
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	(18.100.933.800)
Thu nhập tính thuế	(18.100.933.800)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
	-

(ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Chi nhánh Bình Dương được dự tính như sau:

	Năm 2022 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(154.832.857)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15%
	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	3.767.674.329	1.720.335.342
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	-	20.574.588

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty đã phát hành 5.325.280 cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02.22/NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và Nghị quyết 05.22/NQ/VID-HĐQT ngày 24/05/2022 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

Ngày 14/07/2022, Công ty đã thông qua Nghị quyết 07.22/NQ/VID-HĐQT về việc thông báo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.325.280 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành tăng từ 35.510.789 cổ phiếu lên 40.836.069 cổ phiếu. Vốn điều lệ tăng từ 355.107.890.000 đồng lên 408.360.690.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty..

8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch..

8.3. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	832.725.974	624.722.830
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc	515.656.152	252.680.000
Ông Bùi Quang Khoa - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	44.546.862	112.302.598
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc	272.522.960	259.740.232
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị	660.000.000	592.500.000
Ông Bùi Quang Mẫn - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	120.000.000	340.500.000
Ông Bùi Quang Khoa – Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	260.000.000	49.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu -Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	40.000.000	99.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên	60.000.000	49.500.000
Bà Phạm Thị Như Ngọc - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	20.000.000	49.500.000
Ông Bùi Quang Minh – Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	80.000.000	-
Ông Phạm Tất Phú – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	40.000.000	-
Bà Trần Thị Phương Mai – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	40.000.000	-
Bà Trần Thị Thủy Tiên -Thành viên	-	4.500.000
Thù lao và thưởng Ban kiểm soát	132.000.000	114.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng Ban	60.000.000	51.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên	36.000.000	31.500.000
Bà Bùi Thị Ngọc Yến - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	12.000.000	31.500.000
Bà Trần Thị Tinh – Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	24.000.000	-
Cộng	1.624.725.974	1.331.222.830

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Ông Bùi Quang Minh		
Mượn tiền	4.855.800.000	1.248.000.000
Trả tiền mượn	5.658.800.000	1.484.459.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải thu khác	685.900.000	-
Phải thu khác	685.900.000	-
Cộng nợ phải thu	685.900.000	-
	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải trả khác	-	803.000.000
Ông Bùi Quang Minh	-	803.000.000
Cộng nợ phải trả	-	803.000.000

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông		
Bán hàng hóa	20.558.825.500	-
Cổ tức được chia	-	7.705.294.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt		
Góp vốn đầu tư	5.967.000.000	7.458.750.000
Cổ tức được chia	5.171.400.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Bán hàng hóa	360.000.000	373.500.000
Cho vay	13.300.000.000	36.300.000.000
Thu nợ vay	11.860.000.000	12.390.000.000
Cổ tức được chia	7.838.347.000	32.921.057.400
Lãi cho vay	3.815.529.890	3.045.736.439
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Bán hàng hóa	30.739.489.239	3.619.046.433
Cổ tức được chia	742.070.000	742.070.000
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Bán hàng hóa	-	90.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Bán hàng hóa	5.056.624.939	5.312.537.327
Cho vay	2.000.000.000	22.200.000.000
Cổ tức được chia	4.349.116.800	2.114.154.000
Lãi cho vay	715.610.959	22.687.671
Thu nợ vay	24.200.000.000	-
Mua dịch vụ	324.850.494	47.575.165

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Phải thu tiền cho vay	55.050.000.000	53.610.000.000
Phải thu tiền lãi vay	1.866.464.740	886.280.548
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Phải thu tiền hàng	29.129.970.801	29.129.970.801
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt		
Phải thu khác	-	1.624.148.800
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Phải thu tiền cho vay	-	22.200.000.000
Phải thu tiền hàng	1.320.000.000	2.719.227.594
Phải thu tiền lãi vay	-	22.687.671
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Phải thu tiền hàng	8.856.600.800	-
Cộng nợ phải thu	96.223.036.341	110.192.315.414
	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	18.532.275
Cộng nợ phải trả	-	18.532.275

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng Quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.149.467.996	-	8.149.467.996
Phải thu khách hàng	52.795.113.511	-	52.795.113.511
Các khoản phải thu khác	4.907.805.892	-	4.907.805.892
Phải thu về cho vay dài hạn	-	106.250.000.000	106.250.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(38.690.020.804)	-	(38.690.020.804)
Tổng cộng	27.162.366.595	106.250.000.000	133.412.366.595
31/12/2022			
Phải trả cho người bán	(80.550.345)	-	(80.550.345)
Phải trả khác	(762.884.281)	-	(762.884.281)
Tổng cộng	(843.434.626)	-	(843.434.626)
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.942.339.492	106.250.000.000	132.568.931.969
01/01/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	384.373.476	-	384.373.476
Phải thu khách hàng	41.858.773.508	-	41.858.773.508
Các khoản phải thu khác	3.653.831.077	300.000.000	3.953.831.077
Phải thu về cho vay dài hạn	-	119.760.000.000	119.760.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(38.784.716.128)	-	(38.784.716.128)
Tổng cộng	7.112.261.933	120.060.000.000	127.172.261.933
01/01/2022			
Phải trả cho người bán	(422.134.154)	-	(422.134.154)
Phải trả khác	(1.747.788.287)	-	(1.747.788.287)
Tổng cộng	(2.169.922.441)	-	(2.169.922.441)
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.942.339.492	120.060.000.000	125.002.339.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.149.467.996	384.373.476	8.149.467.996	384.373.476
Phải thu khách hàng	52.795.113.511	41.858.773.508	14.105.092.707	3.074.057.380
Các khoản phải thu khác	4.907.805.892	3.953.831.077	4.907.805.892	3.953.831.077
Phải thu về cho vay dài hạn	106.250.000.000	119.760.000.000	106.250.000.000	119.760.000.000
Tổng cộng	172.102.387.399	165.956.978.061	133.412.366.595	127.172.261.933
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	80.550.345	422.134.154	80.550.345	422.134.154
Phải trả khác	762.884.281	1.747.788.287	762.884.281	1.747.788.287
Tổng cộng	843.434.626	2.169.922.441	843.434.626	2.169.922.441

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa) và lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa (VND)	Dịch vụ (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	110.676.314.881	7.184.351.488	117.860.666.369
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(107.583.967.903)	-	(107.583.967.903)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.092.346.978	7.184.351.488	10.276.698.466
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(26.404.398.188)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(16.127.699.722)
Doanh thu tài chính			26.037.066.186
Chi phí tài chính			(28.908)
Thu nhập khác			39.140.416
Chi phí khác			(38.942.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.909.535.327

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh